

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2011/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 07 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**V/v ban hành Tiêu thức đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét Tờ trình số: 706/TTr-SNV ngày 12/10/2011 của Sở Nội vụ về việc đề nghị ban hành Tiêu thức đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Bản tiêu thức đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra việc đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở theo quy định; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc xếp loại xã, phường, thị trấn theo định kỳ một năm và trước khi kết thúc nhiệm kỳ để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định: 534/QĐ-UB ngày 10/8/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (cũ) về việc Ban hành Tiêu thức đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TIÊU THỨC
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 34/2011/QĐ-UBND ngày 07/11/2011
của UBND tỉnh Điện Biên)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng.

Văn bản này quy định về các Tiêu thức đánh giá, cách thức đánh giá, chấm điểm và xếp loại đối với chính quyền các xã, phường, thị trấn trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 2. Căn cứ đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở.

Việc đánh giá xếp loại chính quyền cơ sở được căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật. Các quy định cụ thể được quy định trong các Điều được đánh giá theo 4 mức và được tính điểm từ 1 đến 20 điểm.

Điều 3. Mục đích đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở.

1. Việc đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và tăng cường công tác quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở; chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật công vụ; đánh giá đúng thực chất hoạt động của Chính quyền cơ sở trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thông qua việc đánh giá nhằm giúp các cơ quan hữu quan hoạch định cơ chế, chính sách góp phần xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở ngày càng trong sạch, vững mạnh.

2. Kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở được dùng làm cơ sở bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm và nhiệm kỳ đối với hoạt động của chính quyền xã, phường, thị trấn.

Chương II
TIÊU THỨC ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CỤ THỂ

Điều 4. Về tổ chức triển khai các văn bản pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Tổ chức triển khai có hiệu quả cao các văn bản pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp đạt từ 96% - 100% đến người dân được tính 20 điểm; đạt từ 91% - 95% được tính 16 điểm; đạt từ 81% - 90% được tính 15 điểm; đạt từ 71% - 80% được tính 11 điểm; đạt từ 61% - 70% được tính 10 điểm; đạt từ 51% - 60% được tính 6 điểm; đạt từ 31% - 50% được tính 5 điểm; đạt từ 10% - 30% được tính 1 điểm.

Điều 5. Về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, kế hoạch có tính sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế và tổ chức thực hiện có hiệu quả, đạt và vượt 100% kế hoạch của địa phương và cấp trên giao được tính 20 điểm; đạt từ 91% - dưới 100% được tính 15 điểm; đạt từ 81% - 90% được tính 11 điểm; đạt từ 76% - 80% được tính 10 điểm; đạt từ 71% - 75% được tính 6 điểm; đạt từ 51% - 70% được tính 5 điểm; đạt từ 10% - 50% được tính 1 điểm.

Điều 6. Về tài chính - ngân sách.

1. Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước, hoàn thành kế hoạch thu, chi ngân sách hàng năm. Thực hiện thu nộp ngân sách: Thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời các loại thuế, phí, lệ phí, thu khác ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách, vận động nhân dân hoàn thành 100% nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, không có khoản thuế tồn đọng từ năm trước được tính 20 điểm; đạt từ 96% - dưới 100% được tính 15 điểm; đạt từ 91% - 95% được tính 11 điểm.

2. Có quan tâm đến công tác tài chính - ngân sách ở địa phương nhưng tổ chức thực hiện chưa triệt để. Hoàn thành từ 81% - 90% nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước được tính 10 điểm; đạt từ 71% - 80% được tính 6 điểm.

3. Chưa quan tâm đến công tác tài chính - ngân sách ở địa phương. Hoàn thành từ 50% - 70% nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước được tính 5 điểm; đạt từ 10% - dưới 50% được tính 1 điểm.

Điều 7. Về nông nghiệp - phát triển nông thôn.

1. Chủ động xây dựng qui hoạch, kế hoạch và các đề án phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo vùng, điểm. Kế hoạch có tính sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao. Bảo vệ tốt các công trình thủy lợi, công trình nước sinh hoạt được tính từ 20 điểm.

2. Chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch và các đề án phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao. Bảo vệ tốt các công trình thủy lợi, công trình nước sinh hoạt được tính 15 điểm.

3. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, các đề án phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, tổ chức thực hiện có hiệu quả. Bảo vệ tốt các công trình thủy lợi, công trình nước sinh hoạt được tính 10 điểm.

4. Có xây dựng kế hoạch, quy hoạch, các đề án phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản nhưng tổ chức thực hiện đạt hiệu quả thấp. Bảo vệ chưa tốt các công trình thủy lợi, công trình nước sinh hoạt được tính 5 điểm.

Điều 8. Về xây dựng, quản lý khai thác sử dụng và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn.

1. Chủ động tổ chức thực hiện tốt việc xây dựng, quản lý khai thác sử dụng và duy tu bảo dưỡng các công trình đường giao thông liên thôn, bản, công trình điện, nhà sinh hoạt công đồng, chợ, trạm y tế, trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. Hàng năm huy động được từ 85% đến

100% hộ gia đình trong xã tự nguyện đóng góp để xây dựng, tu sửa các tuyến đường nội xã. Bảo vệ tốt các công trình giao thông quốc gia, giao thông trong xã và các công trình công cộng khác ở địa phương được tính từ 20 điểm.

2. Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả việc xây dựng tu sửa đường giao thông trong xã. Hàng năm huy động được từ 75% đến dưới 85% hộ gia đình trong xã tự nguyện đóng góp để xây dựng, tu sửa các tuyến đường nội xã. Bảo vệ tốt các công trình giao thông Quốc gia và giao thông trong xã và các công trình công cộng khác ở địa phương được tính 15 điểm.

3. Tổ chức thực hiện việc xây dựng, tu sửa đường giao thông trong xã. Hàng năm huy động được từ 50% đến dưới 75% hộ gia đình trong xã tự nguyện đóng góp để xây dựng, tu sửa các tuyến đường nội xã. Bảo vệ các công trình giao thông quốc gia, giao thông trong xã và các công trình công cộng khác được tính 10 điểm.

4. Có tổ chức thực hiện việc xây dựng, tu sửa đường giao thông trong xã nhưng hiệu quả thấp. Hàng năm huy động được từ dưới 50% hộ gia đình trong xã tự nguyện đóng góp để xây dựng các tuyến đường nội xã. Bảo vệ các công trình giao thông Quốc gia và các công trình công cộng khác được tính 5 điểm.

Điều 9. Về lĩnh vực quản lý đất đai và tài nguyên.

1. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm, đối với khu vực không phát triển đô thị, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình cơ quan có thẩm quyền cấp trên phê duyệt. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt đạt 80% đến 100 % kế hoạch. Tổ chức công bố công khai và niêm yết quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Thống kê đất đai hàng năm, chỉnh lý biến động các loại đất, lập sổ địa chính theo dõi tình hình biến động đất đai ở địa phương và báo cáo tình hình biến động đất đai theo quy định của pháp luật. Bảo vệ được 95% đến 100% vốn rừng hiện có, không có trường hợp nào vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Quản lý, bảo vệ tốt nguồn tài nguyên nước, tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước sinh hoạt và nước sản xuất. Được tính từ 20 điểm.

2. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm, đối với khu vực không phát triển đô thị, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình cơ quan có thẩm quyền cấp trên phê duyệt. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt đạt 70% đến dưới 80% kế hoạch. Tổ chức công bố công khai và niêm yết quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Thống kê đất đai hàng năm, chỉnh lý biến động các loại đất, lập sổ địa chính theo dõi tình hình biến động đất đai ở địa phương và báo cáo tình hình biến động đất đai theo quy định của pháp luật. Bảo vệ được từ 85% đến dưới 90% vốn rừng hiện có, không có trường hợp nào vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Quản lý, bảo vệ tương đối tốt nguồn tài nguyên nước, tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước sinh hoạt và nước sản xuất được tính 15 điểm.

3. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm, đối với khu vực không phát triển đô thị, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình cơ quan có thẩm quyền cấp trên phê duyệt. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt đạt 60% đến dưới 70% kế hoạch. Niêm yết quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Thống kê đất đai, lập sổ địa chính theo dõi tình hình biến động đất đai ở địa phương và báo cáo tình hình biến động đất đai theo quy định của pháp luật. Bảo vệ được từ 70% đến dưới 85% vốn rừng hiện có, có hiện tượng vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng xảy ra. Quản lý, bảo vệ chưa tốt nguồn tài nguyên nước, ý thức khai thác, sử dụng nguồn nước sinh hoạt, nước sản xuất của nhân dân còn thấp được tính 10 điểm.

4. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm, đối với khu vực không phát triển đô thị, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình cơ quan có thẩm quyền cấp trên phê duyệt. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt đạt dưới 60% kế hoạch. Niêm yết quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Thống kê đất đai, lập sổ địa chính theo dõi tình hình biến động đất đai ở địa phương theo quy định của pháp luật. Bảo vệ được dưới 70% vốn rừng hiện có. Đạt dưới 60% kế hoạch trồng rừng cấp trên giao. Có hiện tượng vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Quản lý, bảo vệ chưa tốt nguồn tài nguyên nước, nhân dân khai thác, sử dụng nguồn nước sinh hoạt, nước sản xuất còn lãng phí và có hiệu quả thấp được tính 5 điểm.

Điều 10. Về lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường.

1. Chủ động, sáng tạo trong việc tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường ở địa phương đạt hiệu quả cao được tính 20 điểm.

2. Chủ động trong việc tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường ở địa phương được tính 15 điểm.

3. Tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường ở địa phương song kết quả chưa cao được tính 10 điểm.

4. Tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường ở địa phương chưa có kết quả được tính 5 điểm.

Điều 11. Về phát triển sự nghiệp giáo dục.

1. Chủ động tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương. Phối hợp với trường học huy động trẻ 5 tuổi ra lớp mầm non đạt 90% đến 95% (đối với các phường, thị trấn huy động 95% đến 100%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp tiểu học đạt 98% đến 100% (đối với các phường, thị trấn huy động 99% đến 100%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp trung

học cơ sở đạt 85% đến 95% (đối với các phường, thị trấn huy động 95% đến 100%) được tính 20 điểm.

2. Chủ động tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương. Phối hợp với trường học huy động trẻ 5 tuổi ra lớp mầm non đạt 85% đến 89% (đối với các phường, thị trấn huy động 90% đến 94%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp tiểu học đạt 90% đến 97% (đối với các phường, thị trấn huy động 95% đến 98%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp trung học cơ sở đạt 80% đến 84% (đối với các phường, thị trấn huy động 90% đến 94%) được tính 15 điểm.

3. Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương. Phối hợp với trường học huy động trẻ 5 tuổi ra lớp mầm non đạt 80% đến 84% (đối với các phường, thị trấn huy động 85% đến 89%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp tiểu học đạt 85% đến 89% (đối với các phường, thị trấn huy động 90% đến 94%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp trung học cơ sở đạt 75% đến 79% (đối với các phường, thị trấn huy động 85% đến 89%) được tính 10 điểm.

4. Có tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương nhưng đạt hiệu quả thấp. Phối hợp với trường học huy động trẻ 5 tuổi ra lớp mầm non dưới 80% (đối với các phường, thị trấn huy động dưới 85%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp tiểu học dưới 85% (đối với các phường, thị trấn huy động dưới 90%), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp trung học cơ sở dưới 75% (đối với các phường, thị trấn huy động dưới 85%) được tính 5 điểm.

Điều 12. Về chăm lo cải thiện đời sống nhân dân.

1. Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống của nhân dân. Đề ra những biện pháp thích hợp để tổ chức cho nhân dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cây trồng vật nuôi đạt hiệu quả cao, làm chuyển biến tích cực đời sống của nhân dân. Có tỷ lệ hộ nghèo dưới 15% hoặc có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn từ 7% so với tỷ lệ hộ nghèo chung của huyện, thị xã, thành phố được tính 20 điểm.

2. Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống của nhân dân. Đề ra những biện pháp thích hợp để tổ chức cho nhân dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cây trồng vật nuôi đạt hiệu quả cao, làm chuyển biến đời sống của nhân dân trong xã. Có từ 15% đến dưới 35% hộ nghèo hoặc có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn từ 7% so với tỷ lệ hộ nghèo chung của huyện, thị xã, thành phố được tính 15 điểm.

3. Có quan tâm chăm lo, cải thiện đời sống của nhân dân nhưng chưa đề ra những biện pháp thích hợp để tổ chức cho nhân dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cây trồng vật nuôi. Có từ 35% đến dưới 55% hộ nghèo hoặc có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn 5% so với tỷ lệ hộ nghèo chung của huyện, thị xã, thành phố được tính 10 điểm.

4. Chưa thực sự quan tâm chăm lo, cải thiện đời sống của nhân dân. Đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Có trên 55% hộ nghèo hoặc có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn từ 5% so với tỷ lệ hộ nghèo chung của huyện, thị xã, thành phố được tính 5 điểm.

Điều 13. Về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1. Chính quyền xã thường xuyên quan tâm chăm lo đến công tác phòng, khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, tích cực chỉ đạo việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Chỉ đạo cán bộ y tế xã hoạt động tốt. Quản lý chặt chẽ tình hình dịch bệnh, không có dịch bệnh xảy ra được tính 20 điểm.

2. Chính quyền xã đã quan tâm đến công tác phòng, khám, chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế xã hoạt động có hiệu quả. Quản lý tốt tình hình dịch bệnh, không có dịch lớn xảy ra được tính 15 điểm.

3. Chính quyền xã đã quan tâm nhưng chưa có biện pháp tích cực để chỉ đạo công tác phòng, khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, Đội ngũ cán bộ Y tế ở xã hoạt động hiệu quả chưa cao. Chưa kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh được tính 10 điểm.

4. Chính quyền xã chưa quan tâm đến công tác phòng, khám, chữa bệnh và chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Đội ngũ cán bộ Y tế ở xã hoạt động thiếu tích cực, kém hiệu quả. Chưa kiểm soát được tình hình dịch bệnh được tính 5 điểm.

Điều 14. Về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình.

1. Tổ chức tốt công tác truyền thông dân số, thực hiện có hiệu quả chiến lược dân số - kế hoạch hoá gia đình; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên dưới 4% so với tổng số trẻ sinh ra trong năm, hoặc tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm sau giảm so với năm trước từ 5% trở lên; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 2%/năm; tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai đạt từ 75% trở lên. Được tính 20 điểm.

2. Tổ chức tốt công tác truyền thông dân số, thực hiện tương đối có hiệu quả chiến lược dân số - kế hoạch hoá gia đình; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên từ 4% đến dưới 7% so với tổng số trẻ sinh ra trong năm, hoặc tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm sau giảm so với năm trước từ 3% đến dưới 5%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2% đến dưới 2,5%/năm; tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai đạt từ 60% đến dưới 75%. Được tính 15 điểm.

3. Tổ chức tương đối tốt công tác truyền thông dân số nhưng hiệu quả thực hiện chiến lược dân số - kế hoạch hoá gia đình còn thấp; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên từ 7% đến dưới 11% so với tổng số trẻ sinh ra trong năm, hoặc tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm sau giảm so với năm trước dưới 3%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,5% đến dưới 3%/năm; tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai đạt từ 40% đến dưới 60%. Được tính 10 điểm.

4. Việc tổ chức công tác truyền thông dân số còn hạn chế. Thực hiện chiến lược dân số - kế hoạch hoá gia đình chưa có hiệu quả; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên từ 11% trở lên so với tổng số trẻ sinh ra trong năm, hoặc tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm sau cao hơn so với năm trước; tỷ lệ tăng dân số từ 3%/năm trở lên; tỷ lệ

các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai dưới 40%. Được tính 5 điểm.

Điều 15. Về xây dựng công tác quốc phòng toàn dân ở cơ sở.

1. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội, công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương. Hàng năm hoàn thành được 100% kế hoạch tuyển quân. Được tính 20 điểm.

2. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội, công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương. Hàng năm hoàn thành được từ 90% đến dưới 100% kế hoạch tuyển quân. Được tính 15 điểm.

3. Chưa thực sự quan tâm đến công tác quốc phòng, công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương. Hàng năm hoàn thành được 80% đến dưới 90% kế hoạch tuyển quân. Được tính 10 điểm.

4. Chưa quan tâm đến công tác quốc phòng, công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương. Hàng năm hoàn thành được dưới 80% kế hoạch tuyển quân. Được tính 5 điểm.

Điều 16. Về lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao.

1. Chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Tuyên truyền đạt 80% đến 100% người dân và phối hợp với các ngành chức năng, các đoàn thể vận động được từ 80% đến 90% hộ gia đình thực hiện xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới ở khu dân cư. Bảo vệ tốt các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh ở địa phương. Xây dựng và thực hiện tốt quy ước trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo nếp sống mới. Được tính 20 điểm.

2. Chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Tuyên truyền đạt 65% đến dưới 80% người dân và phối hợp với các ngành chức năng, các đoàn thể vận động được từ 70% đến 80% hộ gia đình thực hiện xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới ở khu dân cư. Bảo vệ tốt các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh ở địa phương. Xây dựng và thực hiện quy ước trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo nếp sống mới. Được tính 15 điểm.

3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Tuyên truyền đạt 50% đến dưới 65% người dân và phối hợp với các ngành chức năng, các đoàn thể vận động được từ 50% đến dưới 70% hộ gia đình thực hiện xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới ở khu dân cư. Có quan tâm đến việc bảo vệ các di tích văn hoá và danh lam thắng cảnh ở địa phương. Việc xây dựng và thực hiện quy ước trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo nếp sống mới còn hạn chế. Được tính 10 điểm.

4. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Tuyên truyền đạt dưới 50% người dân và phối hợp với các ngành chức năng, các đoàn thể vận động các hộ gia đình thực hiện xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới ở khu dân cư chưa có hiệu quả. Chưa quan tâm đến việc bảo vệ các di tích văn hoá và danh lam thắng cảnh ở địa phương. Có xây dựng và thực hiện quy ước trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo nếp sống mới nhưng đạt hiệu quả thấp. Được tính 5 điểm.

Điều 17. Về bảo đảm an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

1. Chủ động thực hiện tốt các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự; quản lý chặt chẽ nhân khẩu, hộ khẩu từ thôn, bản; là đơn vị điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; không có người tham gia tuyên truyền, theo đạo trái pháp luật; không có người sản xuất, mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy; không có trường hợp vi phạm pháp luật trên địa bàn. Được tính 20 điểm.

2. Chủ động thực hiện tốt các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự; là đơn vị mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; không có người tham gia tuyên truyền, theo đạo trái pháp luật; không có người sản xuất, mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy; không có trường hợp vi phạm pháp luật trên địa bàn. Được tính 15 điểm.

3. Có tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự nhưng hiệu quả chưa cao; có từ 20% đến 30% hộ gia đình nghe theo kẻ xấu sinh hoạt đạo trái pháp luật; Có hộ gia đình trồng cây thuốc phiện; có trường hợp phạm tội xảy ra trên địa bàn. Được tính 10 điểm.

4. Chưa quan tâm đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự; có trên 30% hộ gia đình nghe theo kẻ xấu sinh hoạt đạo trái pháp luật; có trên 5 hộ gia đình trồng cây thuốc phiện; có trên 5 trường hợp phạm tội xảy ra trên địa bàn. Được tính 5 điểm.

Điều 18. Về đoàn kết nội bộ và phát huy dân chủ ở cơ sở.

1. Giữ gìn tốt đoàn kết nội bộ, phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa cấp ủy Đảng - Chính quyền - Đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. Phát huy được dân chủ ở cơ sở trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Giữ gìn đoàn kết giữa các dân tộc. Được tính 20 điểm.

2. Giữ gìn tốt đoàn kết nội bộ, phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa cấp ủy Đảng - Chính quyền - Đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. Phát huy dân chủ ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết giữa các dân tộc còn có một số hạn chế nhất định. Được tính 15 điểm.

3. Nội bộ trong cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng còn chưa thực sự đoàn kết. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy Đảng - Chính quyền - Đoàn thể quần chúng; phát huy dân chủ ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết các dân tộc có mặt hạn chế. Được tính 10 điểm.

4. Nội bộ trong cấp ủy Đảng, chính quyền và các Đoàn thể quần chúng còn biểu hiện mất đoàn kết. Chưa thực sự phối hợp giữa cấp ủy Đảng - Chính quyền - Đoàn thể quần chúng. Còn có biểu hiện vi phạm dân chủ và mất đoàn kết giữa các dân tộc. Được tính 5 điểm.

Điều 19. Về thực hiện chế độ thông tin báo cáo.

1. Thực hiện và duy trì tốt chế độ thông tin báo cáo, chủ động báo cáo kịp thời, thông tin đầy đủ và chính xác: Được tính 20 điểm.

2. Thực hiện và duy trì tốt chế độ thông tin báo cáo, nhưng báo cáo đôi lúc còn chậm về mặt thời gian, độ chính xác chưa cao. Được tính 15 điểm.

3. Có thực hiện và duy trì chế độ thông tin báo cáo nhưng còn chậm về mặt thời gian; nội dung báo cáo còn chưa đầy đủ và thiếu chính xác. Được tính 10 điểm.

4. Chưa thường xuyên chấp hành và duy trì chế độ thông tin báo cáo; nội dung báo cáo còn sơ sài có mặt chưa chính xác. Được tính 5 điểm.

Điều 20. Xây dựng quy chế và chế độ trực, giao ban, tiếp dân.

1. Chủ động xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; phân công, phân nhiệm rõ ràng; thực hiện tốt chế độ trực hàng ngày, giao ban hàng tuần tại trụ sở làm việc và thực hiện tốt việc tiếp công dân, giải quyết kịp thời đúng thẩm quyền, đúng luật, các đề xuất kiến nghị của nhân dân. Được tính 20 điểm.

2. Chủ động xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Phân công, công phân nhiệm rõ ràng; nhưng chưa duy trì thường xuyên chế độ trực hàng ngày và giao ban hàng tuần tại trụ sở làm việc; công tác tiếp công dân giải quyết các đề xuất kiến nghị của nhân dân đôi lúc còn chưa kịp thời. Được tính 15 điểm.

3. Có xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nhưng chưa phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; phân công, phân nhiệm chưa đầy đủ và rõ ràng còn có hiện tượng trực và giải quyết công việc tại nhà; thực hiện chế độ trực hàng ngày và giao ban hàng tuần còn lỏng lẻo; công tác tiếp dân còn chưa được chú trọng. Được tính 10 điểm.

4. Chưa xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; thực hiện phân công phân nhiệm còn sơ sài, quản lý nhà nước còn mang nặng kinh nghiệm chủ nghĩa; còn phổ biến hiện tượng trực và giải quyết công việc tại nhà. Công tác tiếp dân chưa được chú trọng, còn dễ xảy ra trường hợp kiến nghị, khiếu nại của công dân chưa được giải quyết kịp thời. Được tính 5 điểm.

Điều 21. Về thực hiện chính sách dân tộc.

1. Tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương; chủ động tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc vùng đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, nâng cao dân trí. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp ngăn ngừa, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm chính sách tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân. Được tính 20 điểm.

2. Tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương; tạo điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc vùng đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, nâng cao dân trí. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp ngăn ngừa, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm chính sách tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân. Được tính từ 11 đến 15 điểm.

3. Tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương; tạo điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc vùng đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, nâng cao dân trí chưa nhiều. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm chính sách tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân. Được tính 10 điểm.

4. Tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương; chưa tạo điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc vùng đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, nâng cao dân trí. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm chính sách tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân. Được tính 5 điểm.

Điều 22. Về quản lý trật tự đô thị.

1. Tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động giữ gìn trật tự đô thị, vệ sinh môi trường đạt hiệu quả cao. Tổ chức quản lý và bảo vệ các công trình kỹ thuật đường giao thông, điện, hệ thống cấp thoát nước các công trình công cộng khác trên địa bàn phường theo phân cấp quản lý. Kiểm tra ngăn chặn và xử lý được 90% đến 100% đối với các hành vi lấn chiếm lòng, hè đường hoặc xâm hại đến các công trình cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ, giữ gìn trật tự đô thị, an toàn giao thông. Được tính 20 điểm.

2. Tổ chức thực hiện và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động giữ gìn trật tự đô thị, vệ sinh môi trường đạt hiệu quả cao. Tổ chức quản lý và bảo vệ các công trình kỹ thuật đường giao thông, điện, hệ thống cấp thoát nước các công trình công cộng khác trên địa bàn phường theo phân cấp quản lý. Kiểm tra ngăn chặn và xử lý được 70% đến dưới 90% đối với các hành vi lấn chiếm lòng, hè đường hoặc xâm hại đến các công trình cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ, giữ gìn trật tự đô thị, an toàn giao thông. Được tính từ 11 đến 15 điểm.

3. Tổ chức thực hiện và phối hợp chưa tốt với các cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động giữ gìn trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, hiệu quả đạt chưa cao. Tổ chức quản lý và bảo vệ các công trình kỹ thuật đường giao thông, điện, hệ thống cấp thoát nước các công trình công cộng khác trên địa bàn phường theo phân cấp quản lý. Kiểm tra ngăn chặn và xử lý được 60% - dưới 70% đối với các hành vi lấn chiếm lòng, hè đường hoặc xâm hại đến các công trình cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ, giữ gìn trật tự đô thị, an toàn giao thông. Được tính 10 điểm.

4. Chưa tổ chức thực hiện và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động giữ gìn trật tự đô thị, vệ sinh môi trường. Tổ chức quản lý và bảo vệ các công trình kỹ thuật đường giao thông, điện, hệ thống cấp thoát nước các công trình công cộng khác trên địa bàn phường theo phân cấp quản lý. Kiểm tra ngăn chặn và xử lý được dưới 60% đối với các hành vi lấn chiếm lòng, hè đường hoặc xâm hại đến các công trình cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ, giữ gìn trật tự đô thị, an toàn giao thông. Được tính 5 điểm.

Điều 23. Về quản lý nhà đất.

1. Quản lý hành chính đối với các hoạt động xây dựng và sử dụng nhà đất trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật có kết quả tốt. Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác về quản lý nhà đất trên địa bàn khi được Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn cấp trên phân cấp. Được tính 20 điểm.

2. Quản lý hành chính đối với các hoạt động xây dựng và sử dụng nhà đất trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật có mặt còn hạn chế. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà đất trên địa bàn khi được Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn cấp trên phân cấp. Được tính 15 điểm.

3. Quản lý hành chính đối với các hoạt động xây dựng và sử dụng nhà đất trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật còn nhiều hạn chế. Còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà đất trên địa bàn khi được Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn cấp trên phân cấp. Được tính 10 điểm.

4. Chưa thường xuyên thực hiện quản lý hành chính đối với các hoạt động xây dựng và sử dụng nhà đất trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà đất trên địa bàn khi được Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn cấp trên phân cấp. Được tính 5 điểm.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 24. Cách đánh giá, tính điểm.

1. Tiêu thức đánh giá, xếp loại xã được quy định trong 18 Điều, từ Điều 4 đến Điều 21. Tiêu thức đánh giá, xếp loại phường, thị trấn được quy định trong 17 Điều, từ Điều 4 đến Điều 23 (trừ Điều 7, Điều 8 và Điều 12 dùng để đánh giá, xếp loại xã).

2. Việc đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở được căn cứ vào tổng số điểm đạt được theo 3 Khu vực (Khu vực I, II, III) và số điểm đạt được của từng Điều trong bản Tiêu thức.

Điều 25. Xếp loại.

1. Những xã, phường, thị trấn được xếp Loại tốt khi đạt tổng điểm theo quy định tại Khoản 5 điều này, có trên 12 Điều trong tổng số Điều đạt 20 điểm trở lên và không có Điều nào đạt dưới 15 điểm.

2. Những xã, phường, thị trấn được xếp Loại khá gồm:

a) Những xã, phường, thị trấn đạt tổng điểm theo quy định tại Khoản 5 điều này, có trên 12 Điều trong tổng số Điều đạt từ 15 điểm trở lên và không có Điều nào đạt 5 điểm.

b) Những xã thuộc Khu vực I và phường, thị trấn có tổng điểm trong khung điểm của Loại tốt, nhưng có từ 1 đến 2 Điều đạt từ 6 đến 10 điểm, không có Điều nào đạt 5 điểm.

c) Những xã thuộc Khu vực II, III có tổng điểm trong khung điểm của Loại tốt, nhưng có từ 1 đến 3 Điều đạt từ 6 đến 10 điểm, không có Điều nào đạt 5 điểm.

3. Những xã, phường, thị trấn được xếp Loại trung bình gồm:

a) Những xã, phường, thị trấn đạt tổng điểm theo quy định tại Khoản 5 điều này, có trên 12 Điều trong tổng số Điều đạt từ 6 điểm trở lên.

b) Những xã thuộc Khu vực I và phường, thị trấn có tổng điểm trong khung điểm của Loại tốt nhưng có từ 3 Điều trở lên đạt từ 6 đến 10 điểm, hoặc có từ 1 Điều trở lên đạt từ 1 đến 5 điểm.

c) Những xã thuộc Khu vực II, III có tổng điểm trong khung điểm của Loại tốt, nhưng có từ 4 Điều trở lên đạt từ 6 đến 10 điểm, hoặc có từ 1 Điều trở lên đạt từ 1 đến 5 điểm.

d) Những xã, phường, thị trấn có tổng điểm trong khung điểm của Loại khá, nhưng có từ 1 đến 4 Điều đạt từ 1 đến 5 điểm.

4. Những xã, phường, thị trấn được xếp Loại yếu là những xã, phường, thị trấn có tổng số điểm đạt được trong khung điểm quy định tại Khoản 5 Điều này hoặc có tổng điểm trong khung điểm của Loại khá, nhưng có từ 5 Điều trở lên đạt từ 1 đến 5 điểm.

5. Tiêu chuẩn về tổng số điểm đạt được đối với từng Loại xét theo từng khu vực được quy định cụ thể như sau:

Xếp loại	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Loại tốt	- Đạt từ 288 điểm trở lên đối với xã. - Đạt từ 272 điểm trở lên đối với phường, thị trấn	Đạt từ 270 điểm trở lên	Đạt từ 252 điểm trở lên
Loại khá	- Đạt từ 198 điểm đến 287 điểm đối với xã. - Đạt từ 187 điểm đến 271 điểm đối với phường, thị trấn.	Đạt từ 180 điểm đến 269 điểm	Đạt từ 162 điểm đến 251 điểm
Loại TB	- Từ 108 điểm đến 197 điểm đối với xã. - Từ 102 điểm đến 186 điểm đối với phường, thị trấn.	Từ 99 điểm đến 179 điểm	Từ 90 điểm đến 161 điểm
Loại yếu	- Từ 107 điểm trở xuống đối với xã. - Từ 101 điểm trở xuống đối với phường, thị trấn.	Từ 98 điểm trở xuống	Từ 89 điểm trở xuống

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn